

Số: 173 /TB-QTTNMT

Quảng Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2018

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 03 điểm gồm bãi tắm Hải Ninh, bãi tắm Nhật Lệ và bãi biển Quảng Phú. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

| TT | Chỉ tiêu phân tích                   | Đơn vị tính | Kết quả quan trắc |          |          | QCVN 10-MT:2015/BTNMT                       |                                  |
|----|--------------------------------------|-------------|-------------------|----------|----------|---|----------------------------------|
|    |                                      |             | B1                | B2       | B3       | Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh | Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước |
| 1  | Nhiệt độ                             | °C          | 29                | 30       | 31       |   |                                  |
| 2  | pH                                   |             | 7,99              | 8,02     | 7,88     | 6,5-8,5                                     | 6,5-8,5                          |
| 3  | Ôxy hoà tan (DO)                     | mg/l        | 7,76              | 7,52     | 7,38     | ≥ 5   | ≥ 4                              |
| 4  | Chất rắn lơ lửng (SS)                | mg/l        | 25                | 31       | 27       | 50  | 50                               |
| 5  | Amôni ( $\text{NH}_4^+$ tính theo N) | mg/l        | < 0,025           | < 0,025  | < 0,025  | 0,1   | 0,5                              |
| 6  | Florua (F <sup>-</sup> )             | mg/l        | 1,32              | 1,28     | 1,35     | 1,5   | 1,5                              |
| 7  | Asen (As)                            | mg/l        | < 0,0022          | < 0,0022 | < 0,0022 | 0,02  | 0,04                             |
| 8  | Cadimi (Cd)                          | mg/l        | < 0,0003          | < 0,0003 | < 0,0003 | 0,005                                       | 0,005                            |
| 9  | Chì (Pb)                             | mg/l        | < 0,0012          | < 0,0012 | < 0,0012 | 0,05  | 0,05                             |
| 10 | Kẽm (Zn)                             | mg/l        | < 0,06            | 0,07     | 0,07     | 0,5   | 1,0                              |
| 11 | Sắt (Fe)                             | mg/l        | 0,23              | 0,25     | 0,21     | 0,5   | 0,5                              |

Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi biển Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh  
- B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới  
- B3: Vị trí quan trắc tại bãi biển Quảng Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch

Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT  
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 11 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép.

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết./.

**GIÁM ĐỐC**

**Noi nhận:**

- Tổng cục MT;
- Website UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Sở Du Lịch;
- Chi cục BVMT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT.



**Lê Anh Tuấn**